

Name:

Class: S2...

Tel: 034 200 9294

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày....../....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày....../....



Grammar:

Listening:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 2

Unit 2: Good neighbours - Grammar 1

A. Grammar

❖ Ordinal numbers (Số thứ tự): 1st – 10th

Bằng số	Bằng chữ	Bằng số	Bằng chữ
1 st	first	6 th	sixth
2 nd	second	7 th	seventh
3 rd	third	8 th	eighth
4 th	fourth	9 th	ninth
5 th	fifth	10 th	tenth

❖ Structure:

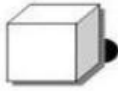
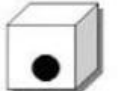
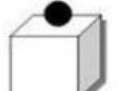
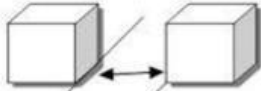
(?) When is your birthday?
(Sinh nhật của cậu là khi nào?)

It's on + tháng + số thứ tự.



It's on April 1st. (Sinh nhật của tớ ngày 1 tháng 4.)

❖ Prepositions of position: Giới từ chỉ vị trí

 behind phía sau	 in front of phía trước	 in bên trong	 on bên trên
 under bên dưới	 next to bên cạnh	 between ở giữa	 opposite đối diện

❖ Từ vựng mở rộng

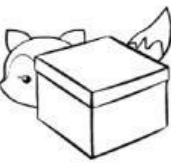
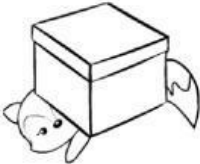
	Words	Meaning		Words	Meaning
1	stair (n)	bậc thang	3	cinema (n)	rạp chiếu phim
2	skip (v)	nhảy (dây)	4	line (n)	hàng

n = noun: danh từ

v = verb: động từ

B. Homework.

I. Match pictures with prepositions

0. 	on	3. 
1. 	in	4. 
2. 	between	5. 
	behind	
	under	
	in front of	

II. Fill in the blank to complete the words.

0. <i>ninth</i> 	1. f _ r s t 	2. s _ c o n d 
3. t h _ r d 	4. f _ u r t h 	5. f _ f t h 

III. Choose the correct ordinal number.



There is a line of people in front of the cinema.

0. Jack is the (**first** / **second**) person in the line.
1. Peter is the (**seventh** / **sixth**) person in the line.
2. Rose is the (**second** / **third**) person in the line.
3. Matt is the (**fifth** / **sixth**) person in the line.
4. Emma is the (**eighth** / **ninth**) person in the line.
5. Ted is the (**fourth** / **tenth**) person in the line.

IV. Rearrange the sentences.

0. the box. / The cat / is in

⇒ The cat is in the box.

1. live / opposite / I / the bookstore.

⇒ _____.

2. in front of / The gift shop / you. / is

⇒ _____.

3. between / Jordan / Bob and Lisa. / sits

⇒ _____.

4. under / The dog / the bed. / is

⇒ _____.

V. Answer the question.

When is your birthday? → _____.



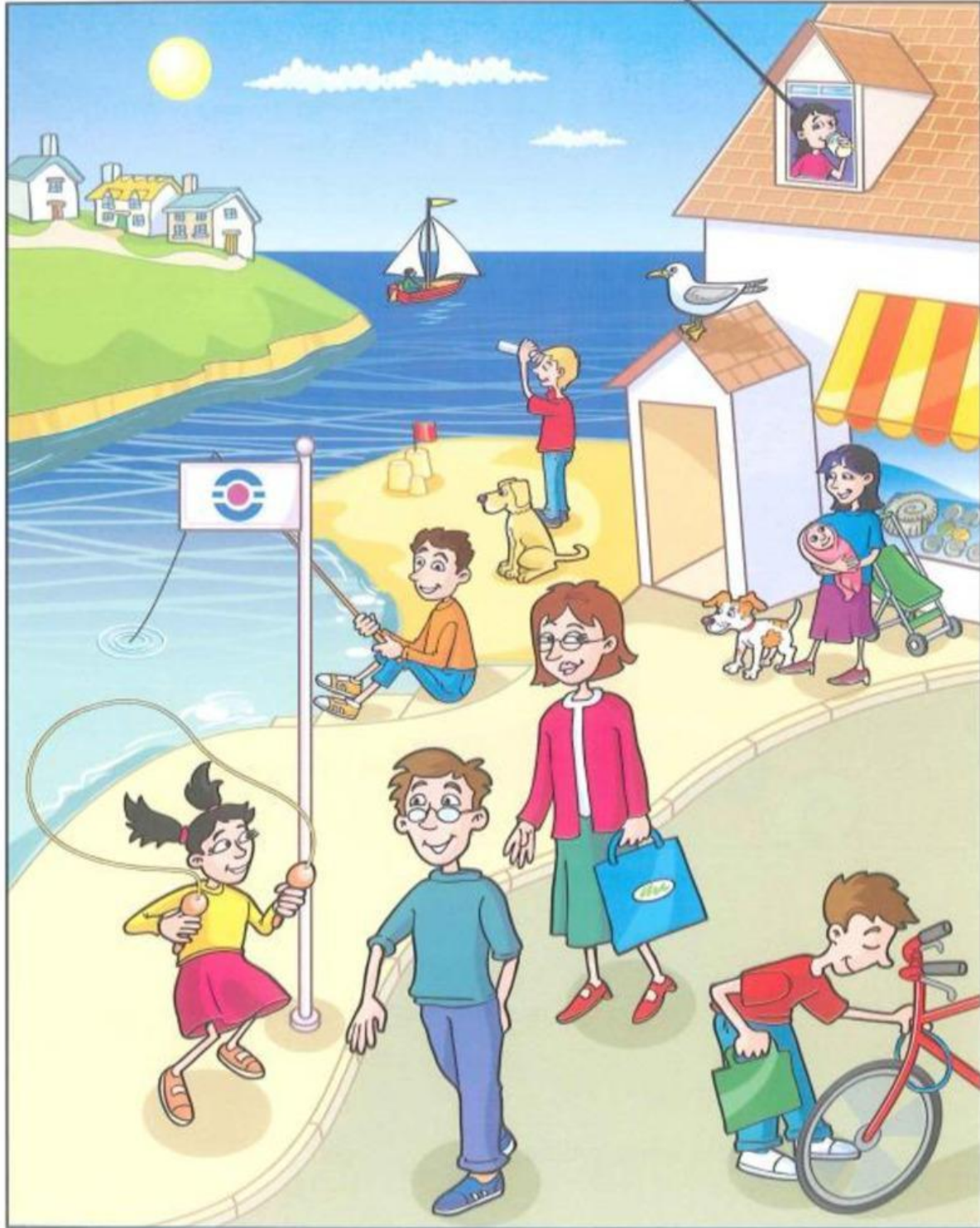
Listen and draw lines. There is one example.

Lily

Daisy

Julia

Jim



Sally

Mary

Nick

MINI TEST

I. Fill in the gap to complete the words.

0. <u>M</u> on <u>d</u> ay	1. T <u>u</u> e ____ d <u>a</u> ____
2. W <u>e</u> d ____ e ____ d <u>a</u> y	3. T <u>h</u> u ____ ____ d <u>a</u> y
4. ____ r ____ d <u>a</u> y	5. S ____ t ____ r d <u>a</u> y

II. Choose the correct verb form.

- | | | |
|--|----------|----------------|
| 0. We (play) the piano every morning. | A. plays | B. play |
| 1. Joey (bake) a cake in the afternoon. | A. bake | B. bakes |
| 2. She (wash) her clothes in the evening. | A. washs | B. washes |
| 3. He (go) to school every day. | A. goes | B. go |
| 4. They (teach) English at school. | A. teach | B. teaches |
| 5. I (wear) a mask today. | A. wear | B. wears |

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!



MINI TEST

I. Fill in the gap to complete the words.

0. <u>M</u> on <u>d</u> ay	1. T ___ e ___ day
2. ___ ___ d n e s d a y	3. Th ___ r ___ day
4. ___ ___ i d a y	5. S ___ ___ u r d a y

II. Choose the correct verb form.

- | | | |
|---|----------|-----------------|
| 0. We (play) the piano every morning. | A. plays | (B) play |
| 1. I (bake) a cake in the afternoon. | A. bake | B. bakes |
| 2. They (wash) their clothes in the evening. | A. wash | B. washes |
| 3. We (go) to school every day. | A. goes | B. go |
| 4. She (teach) English at school. | A. teach | B. teaches |
| 5. He (wear) a mask today. | A. wears | B. wear |

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

